

“DĨ NHIÊN”, “ĐƯƠNG NHIÊN” VÀ “TẤT NHIÊN” CÓ KHÁC NHAU?

Th.S Võ Thanh Hương

Khoa Việt Nam Học

Trường ĐH KHXH & NV - ĐHQG Tp. HCM

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bản ngữ (hay còn gọi là tiếng mẹ đẻ) là một hiện tượng xã hội. Người bản xứ dùng bản ngữ theo thói quen, chính thói quen này đã làm cho họ ít quan tâm đến những yếu tố xã hội cũng như những lí do tạo ra bản ngữ.

Đối với người Việt, việc sử dụng tiếng Việt cũng không nằm ngoài quy luật trên. Người ta có thể dùng “dĩ nhiên, đương nhiên, tất nhiên” đúng cách theo từng ngữ cảnh cụ thể, tuy nhiên không phải tất cả những người đang dùng đúng lại có thể giải thích một cách chính xác về từng nét nghĩa riêng biệt của một trong những từ này.

Từ những lí do trên, chúng tôi muốn đưa ra một vài gợi ý về những nét nghĩa riêng biệt của mỗi từ trong nhóm từ này. Chúng tôi hi vọng rằng sự gợi ý này phần nào giúp cho những người nước ngoài đang học tiếng Việt như một ngoại ngữ - có thể hình dung được ít nhiều về “dĩ nhiên”, “đương nhiên” và “tất nhiên”, đồng thời chúng tôi cũng mong muốn họ có thể dùng chúng một cách dễ dàng và chính xác hơn.

SỰ PHÂN BIỆT GIỮA “DĨ NHIÊN”, “ĐƯƠNG NHIÊN” VÀ “TẤT NHIÊN”

1. Cơ sở dẫn luận

1.1. Một số quan niệm về “dĩ nhiên”

Nhằm làm rõ hơn ý nghĩa của “dĩ nhiên”, chúng tôi xin đưa ra những cách quan niệm của một số tác giả (đã được đăng trong tạp chí, chuyên ngành ngôn ngữ và từ điển tiếng Việt).

a) Quan niệm đầu tiên mà chúng tôi muốn đề cập đến là quan niệm của các tác giả Hoàng Văn Hành, Hoàng Phê, Đào Thản trong *Sổ từ điển từ tiếng Việt* (Nhà xuất bản Khoa học Xã hội - 2002, tr.142). “Dĩ nhiên” được quan niệm là theo lẽ tự nhiên là như vậy, không có gì lạ hoặc khó hiểu với ví dụ cụ thể:

“Dĩ nhiên ai cũng muốn sống hạnh phúc”

b) Một quan niệm khác trong “Từ điển tiếng Việt” Hoàng Phê (chủ biên) do Trung tâm Từ điển Ngôn ngữ xã hội Hà Nội xuất bản, 1992, tr.263, cũng đồng quan niệm với các tác giả trên. Người biên soạn cuốn từ điển này cũng cho rằng “dĩ nhiên” có ý nghĩa là “theo lẽ tự nhiên là như vậy, không có gì lạ hoặc khó hiểu”.

“Có áp bức thì có đấu tranh, đó là điều dĩ nhiên”

Ngoài ra, ông còn xác định “dĩ nhiên” là một tính từ và có thể dùng làm phụ trong câu.

c) Quan niệm thứ ba của tác giả Nguyễn Văn Đạm, “Từ điển tiếng Việt tường giải và liên tưởng”, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin Hà Nội, 1999, tr.219. ở đây tác giả quan niệm “dĩ nhiên” cũng là cố nhiên, tất nhiên, có ý nghĩa là “hẳn phải như thế”.

“Lười học dĩ nhiên thi trượt”

Đồng thời tác giả cũng đã xác định “dĩ nhiên” là phó từ. Điều này khác với quan niệm thứ hai mà chúng tôi đã nêu ở mục b (B.1.1).

1.2. Một số quan điểm về “Đương nhiên”

a) Theo quan niệm của các tác giả trong mục a (B.1.1) mà chúng tôi đã đưa ra ở trên “đương nhiên” có nghĩa là theo lẽ thường thì rõ ràng là như vậy, ai cũng phải thừa nhận (tr.142).

“Giai cấp bị bóc lột đấu tranh chống giai cấp bóc lột, đó là lẽ đương nhiên”.

b) “*Đương nhiên*” trong *Từ điển tiếng Việt* của tác giả Hoàng Phê (Chủ biên) được xác định là tính từ, có thể đứng làm phần phụ trong câu. “*Đương nhiên*” có ý nghĩa là “rõ ràng là như vậy, ai cũng thừa nhận”, (tr.362).

“Trong đấu tranh cách mạng, đương nhiên có hi sinh và tổn thất”

“Lẽ đương nhiên”.

c) Sau cùng là quan niệm của tác giả Nguyễn Văn Đạm, *Từ điển tiếng Việt* tường giải và liên tưởng, tác giả xác định “*đương nhiên*” là một phó từ có nghĩa “phải như vậy”.

“Việc khó đương nhiên phải cố gắng”.

Quan niệm thứ hai và thứ ba cũng vẫn tiếp tục có sự nhìn nhận khác nhau về mặt từ loại của từ như với “*dĩ nhiên*”, quan niệm thứ hai cho rằng “*đương nhiên*” là tính từ còn quan niệm thứ ba thì vẫn cho từ này là phó từ.

2.1.3. Một số quan điểm về “tất nhiên”

a) Các tác giả Hoàng Văn hành, Hoàng Phê, Đào Thản trong mục a (B.1.1) đưa ra quan niệm về “*tất nhiên*” như sau: “Tất nhiên có nghĩa là theo lẽ thường nói về cái có tính quy luật”. Thí dụ:

“Dân tộc anh hùng, thời đại anh hùng tất nhiên sản sinh ra nhiều người con anh hùng” (Lê Thanh Nghị).

b) “*Tất nhiên*” theo Hoàng Phê (chủ biên) được xác định: Có thể dùng là phần phụ trong câu với ý nghĩa về nội dung là “hẳn phải như vậy, không thể khác được” (tr.886).

“Bước đầu tất nhiên còn bỡ ngỡ”.

“Tất nhiên ai cũng có lúc sai lầm”.

“Tất nhiên” kết hợp với “lẽ” ở phía trước cho ta một danh từ “lẽ tất nhiên” với ý nghĩa là ‘điều thường thấy ở đời được coi là hợp với quy luật (với đạo lý)’.

“Có làm mới có ăn, đó là lẽ tự nhiên”.

“Sống sao cho phải lẽ”.

“Lẽ thường tình là như vậy”.

c) Tác giả Nguyễn Văn Đạm (c, B.1.1 đã nêu) đã xếp “tất nhiên” có cùng nghĩa với tất, ắt nhiên, hẳn nhiên mang nội dung “nhất định là”.

“Có làm (tất) tất/ắt/hẳn nhiên là có ăn”.

Ông cho rằng “tất nhiên” cũng đảm nhận chức năng làm “phó từ” trong câu.

Tóm lại, về mặt nội dung việc xác định nghĩa của các từ không có sự khác biệt lớn giữa các quan điểm, tuy nhiên về mặt chức năng ngữ pháp của từ loại thì có hai quan điểm rõ rệt tồn tại: Đó là quan điểm cho rằng “dĩ nhiên”, “đương nhiên” và “tất nhiên” là tính từ, có thể làm phần phụ trong câu, còn quan điểm kia thì xác định chúng có chức năng của một phó từ.

Để xác định rõ chức năng của tính từ và phó từ, chúng tôi xin đưa ra một số quan niệm về chúng của các nhà ngôn ngữ học đi trước.

2.1.4. Một số quan niệm về “phó từ” và “tính từ”

a) Theo tác giả Diệp Quang Ban trong *Ngữ pháp tiếng Việt*, (Nhà xuất bản Giáo dục, 2005) thì “phó từ tiếng Việt được hiểu là từ có tính chất hư được dùng để mở rộng động từ, tính từ, đem lại cho chúng một nghĩa nào đó (không tính đến những từ ngữ thuộc bậc câu). Có phó từ tình thái hóa nghĩa ở động từ, tính từ, có phó từ không có tác dụng tình thái hóa. Loại thứ nhất được gọi là phó từ tình thái, để dễ làm việc thực ra có thể gọi các phó từ loại thứ hai giản đơn là phó từ).

Phó từ tình thái là phó từ diễn đạt mối quan hệ của sự việc nêu ở động từ, tính từ với yếu tố thời gian, hoặc với thái độ của người sử dụng ngôn ngữ. Phó từ gắn với yếu tố thời gian thuộc về nghĩa kinh nghiệm (tình thái khách quan), phó từ liên quan đến thái độ người sử dụng ngôn ngữ thuộc về nghĩa liên nhân (tình thái trách nhiệm). Phó từ chỉ tình thái là những phó từ giúp diễn đạt những biến đổi trong bản thân sự việc nêu ở động từ, tính từ, và chúng thuộc về nghĩa kinh nghiệm (tr. 540). Theo quan niệm này, tác giả đã xác định vị trí của phó từ có thể đứng trước động từ hay tính từ, đồng thời cũng có thể đứng sau động từ hay tính từ tùy theo ý nghĩa mà chúng mở rộng cho động từ hay tính từ là gì (tr. 541, 542, 543, 544, 545, 546, 547).

Về “tính từ”, tác giả xác định: “Tính từ thuộc vào số thực từ có ý nghĩa về tính chất, đặc trưng về màu sắc, mùi vị, âm thanh... của vật, phần lớn kết hợp được về phía trước với các từ *rất, cực kì, hơi, khi, quá* hoặc về phía sau với các từ *lắm quá, cực kì, và để dành* làm vị tố (khả năng làm “định ngữ” theo cách hiểu trước đây không được tính đến vì “định ngữ” là chức năng thuộc bậc cụm từ).

Ý nghĩa tính chất, đặc trưng ở tính từ tiếng Việt có thể hiểu như là đặc trưng của vật (ở danh từ) mà cũng có thể hiểu là “đặc trưng của đặc trưng” (đặc trưng nêu ở động từ) giống như cái gọi là trạng từ (adverb) trong các ngôn ngữ châu Âu. Nói cách khác, tính từ của tiếng Việt có thể làm yếu tố mở rộng sau của danh từ cũng như yếu tố mở rộng của động từ, tuy thế, về thực chất hai chức năng này vẫn phân biệt được với nhau. Với chức năng yếu tố mở rộng của động từ, thường có thể thêm các tiếng một cách vào phía trước tính từ; với chức năng yếu tố mở rộng của danh từ, hiện tượng này không thể xảy ra. Với sự phân biệt vừa nêu, trong phần tiếp theo sau đây, việc xem xét tính từ chủ yếu tập trung vào những tính từ có khả năng đi kèm danh từ hoặc trực tiếp làm vị tố ...

Tác giả cũng phân biệt rõ hai loại lớn trong tính từ:

- Tính từ chỉ tính chất và tính từ chỉ quan hệ.
- Tính từ thang độ và tính từ không thang độ.

Ngoài ra còn một vài hiện tượng nhỏ khác (tr.506, 507).

Theo quan niệm đã nêu ở trên, tác giả đã khẳng định “tính từ có thể làm vị tố trong câu tiếp xúc, với hoạt động ngữ pháp của động từ nên vị trí của tính từ có thể đứng trước hoặc sau phó từ, đứng trước thực từ làm bổ ngữ” (thực từ ở đây có thể là danh từ bổ ngữ hay số từ bổ ngữ) (tr. 508, 509, 510, 511, 512, 513, 614, 515).

b) Quan niệm thứ hai của cố giáo sư Hoàng Tuệ trong *Tuyển tập ngôn ngữ học*, (Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh - Viện ngôn ngữ học - Hội Ngôn ngữ học TP. Hồ Chí Minh - 2001), “phó từ” (hoặc phụ từ) là từ loại bao gồm những từ có nghĩa khẳng định, phủ định, khuyến cáo, thể, thời mức độ và nghĩa khác, nói chung là các nghĩa thích nghi với nghĩa hoạt động, trạng thái, tính chất và nghĩa sự vật chuyển thành nghĩa tính chất.

Phó từ làm yếu tố phụ cho trung tâm trong động ngữ, tính ngữ và có trường hợp cả danh ngữ. Vị trí của phó từ có thể đứng trước hay sau trung tâm. Trong một ngữ, có thể dùng những phó từ khác nhau. Trường hợp này các phó từ được phân bổ theo trật tự thích nghi.

Rất cần chú ý tới vị trí của phó từ trong ngữ có trường hợp có thể chuyển vị trí và cũng có trường hợp chuyển vị trí là chuyển vai trò cú pháp... có những phó từ tách được khỏi ngữ để tham gia mô hình câu và làm trạng ngữ.

Có những phó từ vừa có nghĩa ngữ pháp vừa biểu thị tình thái (tr.869).

Tác giả coi “ắt, tất (nhiên)” là phó từ thể tất yếu và cũng có thể là “tính từ” (tr.876).

Còn “tính từ” tác giả quan niệm: “tính từ là loại từ bao gồm những từ có nghĩa tính chất. Tính từ thích nghi với nhiều phó từ mà những phó từ này cũng thích nghi với động từ. Cho nên cần nhấn mạnh là trong tiếng Việt, sự phân biệt tính từ với động từ phải rất coi trọng nghĩa... cùng với tiêu chí nghĩa, tiêu chí thích nghi với “rất” là quan trọng để phân loại tính từ, và để nhận ra những kết hợp có nghĩa tính chất được dùng với “rất” (tr. 855). Tác giả cũng lưu ý về sự chuyển vị giữa “động từ” và “tính từ” (tr. 856). Tác giả cho rằng “lắm” là tính từ chỉ số lượng” nhưng cũng có thể là “phó từ” (tr. 857).

1.5. Một vài nhận xét chung

Sau khi tham khảo ý kiến về mặt ngữ nghĩa cũng như về mặt chức năng ngữ pháp (cụ thể là từ loại) trong câu của “dĩ nhiên”, “đương nhiên” và “tất nhiên”, chúng tôi xin đưa ra một vài nhận định chung sau đây.

a) Về mặt ngữ nghĩa:

- Dĩ nhiên: Theo lẽ tự nhiên là phải như vậy, không có điều gì là hay khó hiểu.

- Đương nhiên: được hiểu là mọi sự rõ ràng phải như vậy và được cả thừa nhận.

- Tất nhiên: có ý nghĩa như một điều thường thấy ở đời, không thể có điều khác thường, nhất định là như vật, được coi là hợp với quy luật (hay có tính quy luật) và hợp với đạo lí.

b) Về mặt từ loại:

- “*Dĩ nhiên*”, “*đương nhiên*” và “*tất nhiên*” có thể là phó từ (mở rộng động từ, tính từ) và cũng có thể là tính từ (mở rộng động từ, danh từ).

- Vị trí của “*Dĩ nhiên*”, “*Đương nhiên*”, “*Tất nhiên*” có thể đứng trước động từ hay tính từ, đồng thời cũng có thể đứng sau động từ hay tính từ (nếu là phó từ). “*Dĩ nhiên*”, “*đương nhiên*”, “*tất nhiên*” sẽ đứng trước hoặc sau phó từ, cũng đứng trước thực từ làm bổ ngữ (thực từ ở đây là danh từ bổ ngữ hay số từ bổ ngữ) - nếu chúng là tính từ.

3. KẾT LUẬN

3.1. Một số trường hợp “*dĩ nhiên*”, “*đương nhiên*” và “*tất nhiên*” có thể thay thế nhau trong những ngữ cảnh giống nhau với nét nghĩa: “chắc chắn là như vậy, hẳn là vậy, nhất định là như vậy”.

Đó là điều dĩ nhiên/đương nhiên/tất nhiên.

Muốn thành công trong sự nghiệp dĩ nhiên/đương nhiên/tất nhiên phải có sự nỗ lực của bản thân.

3.2. Mặc dù có thể mang những nét nghĩa giống nhau trong một vài trường hợp cụ thể nhưng với mỗi từ đều có những nét nghĩa riêng để phân biệt.

- “*Dĩ nhiên*” nghiêng về nét nghĩa “theo lẽ tự nhiên là như vậy, không có gì lạ hoặc khó hiểu”.

Dĩ nhiên là ai cũng muốn sống hạnh phúc.

- “*Đương nhiên*” thì theo lẽ thường rõ ràng là như vậy, ai cũng phải thừa nhận.

Có áp bức thì có đấu tranh đó là lẽ đương nhiên.

- “*Tất nhiên*” được chú ý đến như một điều thường thấy ở đời, không thể khác được, có tính quy luật và hợp với đạo lí.

Gieo gió tất/tất nhiên sẽ gặt bão.

3. Với chức năng của một phó từ, vị trí của “đĩ nhiên”, “đương nhiên” và “tất nhiên” như sau:

Đĩ nhiên / đương nhiên / tất nhiên + động từ / tính từ

Đĩ nhiên / đương nhiên / tất nhiên + tính từ / tính từ

Động từ / tính từ + dĩ nhiên / đương nhiên / tất nhiên

4. Khi là tính từ vị trí của “đĩ nhiên”, “đương nhiên”, “tất nhiên” được sắp xếp theo trật tự:

Đĩ nhiên / đương nhiên / tất nhiên + phó từ / danh từ bỏ ngữ / số từ bỏ ngữ

Phó từ / danh từ bỏ ngữ / số từ bỏ ngữ + dĩ nhiên / đương nhiên / tất nhiên

5. Hiểu rõ được những điều trên, giáo viên có thể giúp học viên sử dụng “đĩ nhiên”, “đương nhiên”, “tất nhiên” một cách dễ dàng hơn trong quá trình ứng dụng vào thực tế.

Những điều ghi nhận từ “đĩ nhiên”, “đương nhiên”, “tất nhiên” ở trên chỉ là những ghi nhận đầu tiên - chắc hẳn sẽ còn có những điều cần phải đào sâu và tìm hiểu kĩ thêm về những từ này trong ngữ nghĩa cũng như cách dùng. Chúng tôi cho rằng đây là một vấn đề mở trên cả hai bình diện: ứng dụng và lí thuyết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Diệp Quang Ban, *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục, 2005.

Nguyễn Văn Đạm, *Từ điển tiếng Việt tường giải và liên tưởng*, NXB Văn hóa Thông tin Hà Nội, 1999.

Nguyễn Lân (Chỉnh lí và bổ sung), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Khoa học Xã hội, 1997.

4. Hoàng Văn Hành, Hoàng Phê, Đào Thanh, *Sổ tay dùng từ tiếng Việt*, NXB Khoa học Xã hội, 2002.
5. Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện Ngôn ngữ học Hà Nội - Việt Nam, 1992.
6. Nguyễn Văn Tạo, *Từ điển phổ thông Việt - Anh*, NXB Tổng hợp Đồng Tháp, 1992.
7. Hoàng Tuệ, *Tuyển tập Ngôn ngữ học*, NXB Đại học Quốc gia TP HCM - Viện Ngôn ngữ học - Hội Ngôn ngữ học TP HCM, 2001.
8. Nguyễn Kim Thanh, *Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt*, Hà Nội, 1997.
9. Nguyễn Như Ý (Chủ biên), *Đại từ điển tiếng Việt*, Bộ Giáo dục và Đào tạo - Trung tâm Ngôn ngữ và Văn hóa Việt Nam, NXB Văn hóa Thông tin, 1999.

ỘT SỐ BÀI LUYỆN PHÁT ÂM VỚI CÁC KẾT HỢP ÂM TRÚC TRẮC (TONGUE TWISTERS) CHO SINH VIÊN NƯỚC NGOÀI

Vũ Thị Thu Hương

Khoa Tiếng Việt và Văn hoá Việt Nam cho người nước ngoài

Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG Hà Nội

ÀI NÉT VỀ KẾT HỢP ÂM TRÚC TRẮC (TONGUE TWISTERS)

Trong bất cứ ngôn ngữ nào cũng đều có những cụm từ, đoạn ngữ những câu nói rất khó để nói nhanh và chính xác như:

- Nồi đồng nấu ốc, nồi đất nấu ếch.
- Con lươn nó luôn qua lườn.

Những ai đã từng học ngoại ngữ đều ít nhiều có biết đến những nói rất trúc trắc” kiểu như trên. Trong tiếng Anh có một câu rất biến là: “Peter Piper picked a peck of pickled peppers” (Peter đã nhặt một đồng hạt tiêu ngâm giấm). Hay câu: “The sixth sick shep’s sixth sheep’s sick” (Con cừu thứ sáu của vị tù trưởng ốm yếu sáu bị ốm). Những cách nói như thế trong tiếng Anh gọi là tongue twisters, trong tiếng Nga gọi là “ckoporobopku” (skorogovorki- những nói nhanh).

Vậy, *tongue twister* là gì? Từ điển Oxford student’s dictionary of English định nghĩa về tongue twister như sau: “*Tongue twister is a phrase or a sentence with many similar sounds that is difficult to say quickly when you are speaking quickly*” (tongue twister là một cụm hay một câu có nhiều âm thanh giống nhau mà rất khó để nói đúng bạn nói nhanh”. Theo từ điển bách khoa Wikipedia thì: “*A tongue twister is a phrase in any language that is designed to be difficult to*

4. Hoàng Văn Hành, Hoàng Phê, Đào Thanh, *Sổ tay dùng từ tiếng Việt*, NXB Khoa học Xã hội, 2002.
5. Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện Ngôn ngữ học Hà Nội - Việt Nam, 1992.
6. Nguyễn Văn Tạo, *Từ điển phổ thông Việt - Anh*, NXB Tổng hợp Đồng Tháp, 1992.
7. Hoàng Tuệ, *Tuyển tập Ngôn ngữ học*, NXB Đại học Quốc gia TP HCM - Viện Ngôn ngữ học - Hội Ngôn ngữ học TP HCM, 2001.
8. Nguyễn Kim Thản, *Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt*, Hà Nội, 1997.
9. Nguyễn Như Ý (Chủ biên), *Đại từ điển tiếng Việt*, Bộ Giáo dục và Đào tạo - Trung tâm Ngôn ngữ và Văn hóa Việt Nam, NXB Văn hóa Thông tin, 1999.